

Số: 1790/2021/QĐST- HNGĐ

Thành phố Thủ Đức, ngày 15 tháng 10 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 384/2021/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2021 giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm: 1986.

Địa chỉ Thường trú: Số 9 Đường số 249, Tổ 3, Khu phố 4, phường T, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: Số 121 Đường số 5, Tổ 10, khu phố L, phường L, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Lương Văn P, sinh năm: 1984.

Địa chỉ Thường trú: Số 207/74 Đường số 207, Tổ 10, Khu phố 5, phường T, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: Số 9 Đường 249 H, Tổ 3, Khu phố 4, phường T, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07 tháng 10 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Ngọc L và ông Lương Văn P.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 19/2006, quyển số 0I ngày 28/3/2006 tại UBND phường T, Quận 9 (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh chấm dứt hiệu lực kể từ ngày 15/10/2021).

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc L và ông Lương Văn P cùng khai có P cùng khai có 02 con chung là Lương Anh P2, sinh ngày: 27/02/2007 và Lương Anh T, sinh ngày 17/5/2008. Bà L và ông P thống nhất thỏa thuận giao cả hai con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà L không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Các đương sự tự thực hiện hoặc thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: bà Nguyễn Thị Ngọc L và ông Lương Văn P cùng khai không có.

Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000 (*Một trăm năm mươi nghìn*) đồng bà Nguyễn Thị Ngọc L tự nguyện chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp là 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng theo Biên lai thu số AA/2019/0047593 do Chi cục thi hành án thành phố T lập ngày 19/3/2021. Hoàn trả cho bà L số tiền 150.000 (*Một trăm năm mươi nghìn*) đồng. Ông P không phải chịu án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục P2 thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Thủ Đức;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Phạm Thị Thanh Nga